



The Leadership Conference
Education Fund



Các Nguyên Tắc Dân Quyền Trong Việc Giáo Dục Người Học Dùng Đa Ngôn Ngữ (The Civil Rights Principles for Multilingual Learner Education)

tháng 1 năm 2024

Các Nguyên Tắc Dân Quyền Cho Việc Giáo Dục Người Học Dùng Đa Ngôn Ngữ (The Civil Rights Principles for Multilingual Learner Education)

được xây dựng bởi các thành viên của Hội nghị Lãnh đạo về Dân quyền và Nhân quyền và Hội nghị Lãnh đạo về Quỹ Giáo dục. Liên minh này đã xác định các yếu tố nền tảng của việc giáo dục học sinh đa ngôn ngữ nhằm bảo vệ dân quyền và thúc đẩy sự công bằng cho trẻ em có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Anh. Tất cả chúng ta đều may mắn khi có rất nhiều trẻ em ở Hoa Kỳ đang học nhiều hơn một ngôn ngữ cả ở nhà và trường học.¹ Tài sản có sức ảnh hưởng này làm phong phú thêm cuộc sống và việc giáo dục của chính các em, đồng thời giúp các em trở thành những người xây dựng nền dân chủ đa chủng tộc, đa văn hóa và đa ngôn ngữ của chúng ta.² Thật không may khi thực trạng là việc ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ không phải là tiếng Anh thường bị coi là trở ngại, khiếm khuyết hoặc cơ sở chính đáng cho việc trẻ bị tách biệt khỏi các bạn cùng trang lứa và hạn chế cơ hội giáo dục của trẻ. Quan điểm sai lầm này thậm chí còn góp phần tạo nên các chính sách và việc thực hiện nhằm tìm cách tước bỏ ngôn ngữ ở nhà của trẻ thông qua việc sử dụng hình phạt và sự ép buộc.³

Để đảm bảo rằng trẻ em nói nhiều hơn một ngôn ngữ có thể tiếp cận và được hòa nhập vào môi trường giáo dục toàn diện, đa dạng và chất lượng cao, chúng tôi tìm kiếm chính sách phản ánh các nguyên tắc sau đây. Cộng đồng dân quyền kêu gọi những người ra quyết định ở mọi cấp độ tạo lập và duy trì một hệ thống giáo dục công bằng cho trẻ em bằng cách kết hợp những nguyên tắc này vào tất cả các chính sách liên quan.⁴

Các Nguyên Tắc Dân Quyền Cho Việc Giáo Dục Người Học Dùng Đa Ngôn Ngữ



NGUYÊN TẮC SỐ 1: HÒA NHẬP

Hòa nhập toàn diện các học sinh học tiếng Anh trong tất cả các khía cạnh giáo dục đồng thời bảo vệ học sinh và gia đình các em khỏi sự phân biệt đối xử.

Trẻ em phải được quyền tiếp cận và được trao đầy đủ cơ hội giáo dục bất kể tình trạng nhập cư,⁵ ngôn ngữ ưu tiên hoặc liệu các em có được xác định là người học tiếng Anh (EL) hay không.⁶ Trẻ em có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Anh phải được quyền tiếp cận với tất cả các cơ hội giáo dục có ý nghĩa giống như các bạn cùng trang lứa, bao gồm tất cả chương trình học và hoạt động ngoại khóa.⁷ Không nên cấm đoán hoặc coi nhẹ ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ trong quá trình giảng dạy.⁸ Trẻ em có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Anh có các quyền bảo vệ chính các em trước sự phân biệt đối xử trong trường học dựa trên quốc tịch gốc (bao gồm cả tình trạng ngôn ngữ) theo Tiêu đề VI của Đạo Luật Nhân Quyền năm 1964 và cung cấp cho các em quyền tiếp cận các cơ hội giáo dục bất kể ngôn ngữ mẹ đẻ của các em là gì theo Đạo luật Cơ hội Giáo dục Bình đẳng năm 1974.⁹ Người học tiếng Anh bị khuyết tật phải nhận được các dịch vụ hỗ trợ việc học tiếng Anh và duy trì ngôn ngữ ở nhà của các em. Người học tiếng Anh bị khuyết tật cũng phải được xác định và đánh giá kịp thời để được hưởng các dịch vụ giáo dục đặc biệt và các dịch vụ liên quan đến khuyết tật.¹⁰ Và không em nào bị phân biệt đối xử dựa trên quốc tịch gốc hoặc tình trạng học tiếng Anh và phải nhận được sự giảng dạy có ý nghĩa tập trung vào phát triển ngôn ngữ và kiến thức môn học.

NGUYÊN TẮC SỐ 2: PHỤ HUYNH

Thu hút phụ huynh tham gia và tôn trọng chuyên môn của họ.

Phụ huynh và gia đình (kể cả gia đình thứ hai) có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Anh phải được quyền tiếp cận các dịch vụ biên dịch và phiên dịch chính xác về thông tin của trường.¹¹ Bản dịch được cung cấp phải đáp ứng về mặt văn hóa, có ý nghĩa và có mục đích để đảm bảo phụ huynh và gia đình hiểu được thông tin. Phụ huynh và gia đình không bị buộc phải dựa vào con cái của họ, những đứa trẻ khác, các thành viên khác trong gia đình hoặc nhân viên nhà trường chưa được đào tạo để phiên dịch hoặc biên dịch các tài liệu, cuộc họp và các thông tin liên lạc khác cho trường học hoặc học khu của họ. Phụ huynh và gia đình, bất kể tình trạng nhập cư, cũng phải được quyền tiếp cận các trường học an toàn, được xác nhận và hòa nhập, nơi họ không phải chịu áp lực từ bầu không khí chống người nhập cư cũng như sự hăm dọa hoặc đe dọa của cơ quan quản lý nhập cư, bao gồm cả Cơ quan Thực thi Di trú và Hải quan Hoa Kỳ (U.S. Immigration and Customs Enforcement).¹² Bất kỳ sự liên đới nào với cơ quan thực thi pháp luật đều có thể ngăn cản sự tham gia của phụ huynh và gia đình. Phụ huynh và gia đình cũng phải được thông báo và tham gia vào việc ra quyết định về con cái của họ cũng như về cơ hội được hưởng các dịch vụ giáo dục song ngữ. Nhà trường cũng phải cung cấp thông tin và hỗ trợ cho các gia đình để giúp họ hiểu về sự phát triển ngôn ngữ, hỗ trợ việc học tập và phát triển ngôn ngữ của con cái họ, đồng thời hỗ trợ người học đa ngôn ngữ tại nhà.¹³ Phụ huynh cần được tham gia hợp tác một cách có ý nghĩa với giáo viên trong quá trình xác định thời điểm đưa trẻ tiếp cận hoặc rút khỏi các dịch vụ dành cho người học tiếng Anh - bao gồm việc tiếp cận thông tin (bằng ngôn ngữ mà họ cảm thấy thoải mái nhất) chẳng hạn như kết quả đánh giá và ý nghĩa của việc phân loại.¹⁴ Nếu không có sự tham vấn và tham gia tích cực, trẻ em có thể bị sắp đặt hoặc bị từ chối tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ người học Tiếng Anh một cách không phù hợp.

NGUYÊN TẮC SỐ 3: GIÁO DỤC MẦM NON

Cung cấp sự chăm sóc và hướng dẫn đáp ứng về mặt văn hóa và phù hợp về mặt phát triển cho trẻ nhỏ đang học nhiều hơn một ngôn ngữ.

Môi trường chăm sóc và giáo dục mầm non (ECE) phải đáp ứng về mặt văn hóa và ngôn ngữ cũng như phù hợp về mặt phát triển cho tất cả trẻ em, kể cả những trẻ học song ngữ. Đối với trẻ em đến từ các gia đình nói ngôn ngữ không phải tiếng Anh, các chương trình phải hỗ trợ sự phát triển liên tục (các) ngôn ngữ ở nhà của trẻ đồng thời hỗ trợ việc tiếp thu tiếng Anh. Ngôn ngữ ở nhà của trẻ cần được coi là nguồn tài nguyên văn hóa và cần được công nhận và tôn trọng. Các chương trình ECE phải hỗ trợ sự tăng trưởng và phát triển lành mạnh của trẻ (bao gồm phát triển cảm xúc xã hội) và sự sẵn sàng đi học (đọc viết sớm, tính toán sớm, kỹ năng nhận thức). Phụ huynh và gia đình (kể cả gia đình thứ hai) phải được coi là chuyên gia và đối tác trong mọi mặt của việc lập kế hoạch và triển khai dịch vụ. Các tiểu bang, học khu, cơ quan và chương trình phải sử dụng các phương pháp tiếp cận sự phát triển của trẻ em mang tính toàn hệ thống, chủ động, tích cực và đáp ứng về mặt văn hóa và ngôn ngữ. Các nhà giáo dục phải được đào tạo và phát triển chuyên môn chất lượng cao, liên tục và miễn phí theo các phương pháp tiếp cận này, có sẵn bằng nhiều phương thức và ngôn ngữ. Các nhà giáo dục cũng cần nhận được các nguồn lực để phát triển các kỹ năng và chuyên môn đa ngôn ngữ trong các lĩnh vực môn học, nội dung và cấp lớp. Các nhà giáo dục sớm, bao gồm cả những người thành thạo ngôn ngữ ở nhà của trẻ, phải kết hợp hiệu quả phương pháp sư phạm đáp ứng về mặt văn hóa và ngôn ngữ, tập trung vào phát triển ngôn ngữ.

NGUYÊN TẮC SỐ 4: CHUẨN BỊ CHO GIÁO VIÊN

Cung cấp cho giáo viên sự chuẩn bị và hỗ trợ chất lượng cao để tất cả giáo viên có thể đáp ứng nhu cầu của người học tiếng Anh.

Tất cả giáo viên phải được tiếp cận các cơ hội phát triển chuyên môn và được chuẩn bị để hỗ trợ sự phát triển song ngữ trong nghe-nói và đọc-viết của học sinh.¹⁵ Để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên song ngữ, các học khu và cơ quan tiểu bang phải đưa ra các sáng kiến và chương trình chủ động nhằm bồi dưỡng một đội ngũ các nhà giáo dục đa ngôn ngữ giàu chuyên môn, chẳng hạn như các chương trình "tự phát triển bản thân" và các chương trình duy trì dựa trên thực tiễn. Giáo viên giáo dục phổ thông, giáo dục đặc biệt và được chứng nhận kép (giáo dục phổ thông và đặc biệt) nên được hướng dẫn để đáp ứng nhu cầu của người học tiếng Anh trong quá trình đào tạo trước khi nhận dịch vụ để tạo điều kiện cho người học tiếng Anh hòa nhập vào chương trình giảng dạy và quá trình giảng dạy phổ thông.

NGUYÊN TẮC SỐ 5: KINH PHÍ

Cung cấp đủ kinh phí cho các trường học để đáp ứng hiệu quả các nhu cầu giáo dục của người học tiếng Anh.

Kinh phí cũng như sự hỗ trợ cho người học Tiếng Anh, bao gồm Tiêu đề III of the Đạo luật Mọi Học sinh Điều Thành công (ESSA), phải được tăng lên đáng kể để đảm bảo tất cả trẻ em đủ điều kiện đều được tiếp cận các cơ hội giáo dục bình đẳng và công bằng.¹⁶ Tiêu đề III phải trở thành một sự ưu tiên trong kinh phí liên bang để đảm bảo hàng triệu người học tiếng Anh không bị từ chối tiếp cận một nền giáo dục chất lượng cao. Tại các tiểu bang, các công thức tài trợ phải có trọng số lớn hơn đối với người học tiếng Anh để đảm bảo có nhiều hỗ trợ hướng đích hơn cho nhóm học sinh này. Cần ưu tiên tuyển dụng và thuê các chuyên gia sức khỏe tâm thần chuyên về giao thoa và đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Do số lượng người học tiếng Anh chiếm quá nhiều trong các trường học và học khu tập trung học sinh đa màu và học sinh có thu nhập thấp, những người học tiếng Anh bị tổn hại một cách không cân xứng do sự bất bình đẳng về tài chính dựa trên chủng tộc và thu nhập gia đình. Tiêu đề III và các nguồn kinh phí dành riêng khác chỉ bổ sung một cách có ý nghĩa nếu cơ sở

cấp kinh phí có tính công bằng và đầy đủ. Khi cấp thêm kinh phí cho các học khu, chi tiêu cần được giám sát để đảm bảo số tiền mà các học khu nhận được cho người học tiếng Anh thực sự được sử dụng để đáp ứng nhu cầu của các em.

NGUYÊN TẮC SỐ 6: TRÌNH ĐỘ THÔNG THẠO TIẾNG ANH

Hỗ trợ học sinh đạt được sự thông thạo tiếng Anh.

Các trường học và học khu phải đảm bảo rằng những người học tiếng Anh, bao gồm người học tiếng Anh đăng ký muộn, người học tiếng Anh dài hạn (LTEL), người học tiếng Anh mới đến (RAEL) và học sinh có trình độ học vấn chính quy bị hạn chế hoặc bị gián đoạn (SIFE/SLIFE), đang đi trên con đường hướng đến trình độ thông thạo tiếng Anh toàn diện. Điều này bao gồm các yêu cầu đầu vào và đầu ra xác định đúng được những học sinh đủ điều kiện và xác định trách nhiệm nhằm đảm bảo học sinh được hỗ trợ đầy đủ để đạt được trình độ thông thạo tiếng Anh. Trẻ em, bất kể cấp lớp, đều phải được tiếp cận với phương pháp giảng dạy có ý nghĩa, tập trung vào sự phát triển ngôn ngữ để đạt được trình độ thông thạo tiếng Anh. Điều này bao gồm các mô hình giảng dạy dựa trên thực tiễn nhằm cung cấp cho học sinh sự hỗ trợ đầy đủ về ngôn ngữ và tránh bị tách khỏi những người nói tiếng Anh bản xứ.

NGUYÊN TẮC SỐ 7: DỮ LIỆU

Thu thập và báo cáo dữ liệu được phân tách để đảm bảo trách nhiệm về cơ hội bình đẳng.

Các trường học và học khu phải thu thập và báo cáo dữ liệu toàn diện về người học tiếng Anh được phân tách, lập bảng chéo, chính xác, kịp thời và có sẵn rộng rãi và công khai mà không có thông tin nhận dạng cá nhân ở mọi giai đoạn của quá trình thu thập dữ liệu (thu thập, nhập liệu, phân tích, v.v.). Việc thu thập dữ liệu về người học tiếng Anh sẽ cho phép sự phân tách và lập bảng chéo dữ liệu theo chủng tộc, dân tộc, ngôn ngữ mẹ đẻ, tình trạng kinh tế xã hội, tình trạng học tiếng Anh, tình trạng khuyết tật, loại khuyết tật, giới tính, quốc tịch gốc và tình trạng mang thai hoặc tình trạng làm cha mẹ. Học sinh, phụ huynh và các thành viên cộng đồng xứng đáng có được sự minh bạch về dữ liệu để họ có thể đánh giá và theo dõi sự tiến bộ của người học tiếng Anh (cả tiến bộ về trình độ tiếng Anh và sự thông thạo các môn học) trong học khu của các em. Trong khi các thẻ báo cáo theo Thu thập Dữ liệu Dân quyền và Đạo luật Mỗi Học Sinh Thành Công của trường bao gồm thông tin quan trọng về người học tiếng Anh, nhưng vẫn cần có dữ liệu bổ sung (bao gồm, ví dụ: dữ liệu về người mới đến, người học tiếng Anh bị khuyết tật, người học tiếng Anh trước đây, những người đã từng học tiếng Anh (Ever Els),¹⁷ người học tiếng Anh dài hạn (LTEL), người học tiếng Anh mới đến (RAEL) và học sinh có trình độ học vấn chính quy bị hạn chế hoặc bị gián đoạn (SIFE)) và cần có sự giám sát để đảm bảo dữ liệu được báo cáo là chính xác. Để hiểu liệu hệ thống của chúng tôi có mang lại cơ hội bình đẳng cho người học tiếng Anh hay không, gia đình, nhà giáo dục, người ủng hộ, nhà nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách cần có quyền truy cập vào dữ liệu được phân tách, báo cáo công khai và toàn diện.

NGUYÊN TẮC SỐ 8: KIẾN THỨC MÔN HỌC

Hỗ trợ học sinh tiếp cận kiến thức các môn học một cách có ý nghĩa trong khi các em đang đạt cho được trình độ thông thạo tiếng Anh, bao gồm cả việc đảm bảo rằng các cơ hội giáo dục nâng cao và phong phú được cung cấp một cách công bằng cho người học tiếng Anh.

Các trường học và học khu phải đảm bảo rằng những người học tiếng Anh có quyền tiếp cận bình đẳng và có ý nghĩa với chương trình giảng dạy cốt lõi trong khi các em đang học tiếng Anh. Phải cung cấp các chương trình giáo dục hợp lý, được hỗ trợ tốt để đảm bảo rằng người học tiếng Anh nắm bắt được nội dung học đường cốt lõi cùng với các bạn cùng trang lứa chỉ dùng tiếng Anh. Ngoài ra, các trường học và học khu phải đảm bảo rằng người học tiếng Anh có cơ hội giáo dục bình đẳng, chẳng hạn như các khóa học nâng cao; tuyển sinh kép; các khóa học Xếp lớp Nâng cao (AP)/Tú tài Quốc tế (IB); các chương trình khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM);¹⁸ và các khóa học theo cấp lớp, có tín chỉ, được tính vào điểm tốt nghiệp trung học. Các trường học và học khu phải tránh việc ghi danh những người học Tiếng Anh vào các khóa học bổ túc một cách không cân đối, làm trì hoãn và làm mất cơ hội tốt nghiệp trung học của học sinh.¹⁹

NGUYÊN TẮC SỐ 9: GIẢNG DẠY ĐA NGÔN NGỮ

Từ chối các yêu cầu chỉ dùng Tiếng Anh, đưa ra các cơ hội giảng dạy bằng nhiều ngôn ngữ và tránh các phương pháp giảng dạy không hỗ trợ ngôn ngữ và văn hóa ở nhà của học sinh khi các em hướng tới trình độ thông thạo tiếng Anh.

Các trường học và học khu phải áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên năng lực để hỗ trợ người học tiếng Anh, bao gồm cả việc đảm bảo ngôn ngữ ở nhà của học sinh được phát triển trong khi các em cũng trở nên thành thạo tiếng Anh trong các môn học ở trường. Các yêu cầu chỉ dùng tiếng Anh đặc biệt nguy hiểm vì chúng làm suy yếu việc giảng dạy đồng thời gửi đi một thông điệp nguy hại và không chính xác tới trẻ em, gia đình và các nhà giáo dục rằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh đều ít có giá trị. Các chương trình ngôn ngữ ngăn không cho học sinh tiếp cận chương trình giảng dạy chung không dựa trên nghiên cứu và không phù hợp với các phương pháp thực hành tốt nhất nhằm hỗ trợ sự phát triển toàn diện và thành công trong học tập của người học tiếng Anh. Những mô hình này thường được gọi là “loại trừ” — thay vì xây dựng khả năng nghe nói và đọc viết song ngữ cũng như sử dụng kiến thức văn hóa của học sinh để hỗ trợ học sinh thành công trong học tập, mà lại khiến học sinh có nguy cơ đánh mất các kỹ năng ngôn ngữ ở nhà.²⁰ Mỗi học sinh và toàn bộ cộng đồng nhà trường đều được hưởng lợi từ các mô hình chương trình ngôn ngữ bổ sung cung cấp cấu trúc chương trình, sự hỗ trợ của giáo viên và tài liệu giảng dạy để phát triển khả năng nghe nói song ngữ, khả năng đọc viết song ngữ và kiến thức đa văn hóa của học sinh. Các chính sách và thông lệ của liên bang, tiểu bang, trường học, học khu và khuôn viên trường nên hỗ trợ các mô hình này, vốn đã được chứng minh là cải thiện kết quả của từng học sinh và bầu không khí trong khuôn viên trường.

NGUYÊN TẮC SỐ 10: GIÁO DỤC SAU TRUNG HỌC

Đảm bảo sự tiếp cận các lộ trình sau trung học, bao gồm các chương trình cấp bằng và đào tạo nhân lực, không tạo ra hệ thống hai tầng cho người học tiếng Anh.

Các trường học và học khu phải đảm bảo sự tiếp cận các lộ trình sau trung học, chẳng hạn như các chương trình cấp bằng, đào tạo nhân lực cũng như giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật cho người học tiếng Anh. Tất cả trẻ em, kể cả những trẻ học tiếng Anh, phải được tiếp cận các cơ hội giáo dục có ý nghĩa để chuẩn bị cho các em đạt được thành công trong các chương trình sau trung học và đáp ứng các nhu cầu văn hóa, ngôn ngữ và giáo dục khác biệt của học sinh. Điều này bao gồm việc cung cấp sự hỗ trợ và nguồn lực hướng đích cho người học tiếng Anh để đảm bảo họ chuyển tiếp thành công sang các chương trình giáo dục sau trung học. Hơn nữa, các trường học và học khu không được tạo ra một hệ thống hai tầng nhằm tách biệt người học tiếng Anh với bạn bè đồng trang lứa và hạn chế cơ hội giáo dục của các em.

Ký kết bởi:

The Leadership Conference on Civil and Human Rights

The Leadership Conference Education Fund

American Association of Colleges for Teacher Education (AACTE)

American Federation of Teachers

American Humanist Association

Asian Americans Advancing Justice | AAJC

Autistic Self Advocacy Network

Center for Law and Social Policy

Center for Learner Equity

Committee for Children

Council of Parent Attorneys and Advocates

Disability Rights Education & Defense Fund

Education Law Center

Education Law Center-PA

IDRA

Impact Fund

Japanese American Citizens League (JACL)

LatinoJustice PRLDEF

Lawyers' Committee for Civil Rights Under Law

NAACP Legal Defense and Educational Fund, Inc.

National Alliance for Partnerships in Equity

National Association of Councils on Developmental Disabilities

National Black Justice Coalition

National Center for Parent Leadership, Advocacy, and Community Empowerment (National PLACE)

National Council of Asian Pacific Americans (NCAPA)

National Disability Rights Network (NDRN)

National Education Association

National Immigration Law Center (NILC)

National Indian Education Association

National Urban League

National Women's Law Center

Parents as Teachers National Center

PFLAG National

Public Advocates

Southeast Asia Resource Action Center

The Advocates for Human Rights

The Education Trust

UnidosUS



¹ Tính đến năm 2020, có khoảng 5 triệu người học tiếng Anh theo học tại các trường công lập K-12 của Hoa Kỳ, chiếm 10% tổng số học sinh. Phần lớn người học đa ngôn ngữ đều sinh ra ở Hoa Kỳ. Trong số 2,3 triệu trẻ em là người học tiếng Anh vào năm 2013, 23% là người sinh ra ở nước ngoài. 77 phần trăm còn lại (1,8 triệu) sinh ra ở Hoa Kỳ. Hãy xem: National Center for Education Statistics. (2023). English Learners in Public Schools. Condition of Education. U.S. Department of Education, Institute of Education Sciences. Retrieved September 21, 2023, từ

<https://nces.ed.gov/programs/coe/indicator/cgf/>; Park, Maki, Zong, Jie và Batalova, Jeanne. “Growing Superdiversity among Young U.S. Dual Language Learners and Its Implications.” Washington, DC: Migration Policy Institute. February 2018. <https://www.migrationpolicy.org/research/growing-superdiversity-among-young-us-dual-language-learners-and-its-implications> ; và Zong, Jie và Jeanne Batalova. “The Limited English Proficient Population in the United States in 2013”. Migration Policy Institute. July 8, 2015. <https://www.migrationpolicy.org/article/limited-english-proficient-population-united-states-2013#Age,%20Race,%20and%20Ethnicity>.

² Kroll, Judith F, and Paola E Dussias. “The Benefits of Multilingualism to the Personal and Professional Development of Residents of The US.” Foreign language annals vol. 50,2 (2017): 248-259. doi:10.1111/flan.12271 <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC5662126/> Ngoài việc bảo vệ dân quyền và thúc đẩy công bằng cho trẻ em có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Anh, còn có nhu cầu mở rộng cơ hội cho người nói tiếng Anh bản xứ học các ngôn ngữ khác để đảm bảo họ có thể phát triển mạnh ở đất nước đa chủng tộc, đa văn hóa và đa ngôn ngữ của chúng ta và được nhiều lợi ích của việc sử dụng đa ngôn ngữ.

³ Để biết những giải thích về các quyền hợp pháp được đảm bảo cho học sinh là người học đa ngôn ngữ, hãy xem: U.S. Department of Justice, Civil Rights Division and U.S. Department of Education, Office for Civil Rights. Ensuring English Learner Students Can Participate Meaningfully and Equally in Educational Programs (2015): “Under Title VI of the Civil Rights Act of 1964 (Title VI) and the Equal Educational Opportunities Act of 1974 (EEOA), public schools must ensure that EL students can participate meaningfully and equally in educational programs. The U.S. Department of Education (ED) and the U.S. Department of Justice (DOJ) have issued joint guidance to remind state education agencies (SEAs), public school districts, and public schools of their legal obligation to ensure that EL students can participate meaningfully and equally in educational programs.” (Theo Tiêu đề VI của Đạo luật Nhân quyền 1964 và Đạo luật Cơ hội Giáo dục Bình đẳng năm 1974, các trường công lập phải đảm bảo rằng học sinh học tiếng Anh có thể tham gia một cách có ý nghĩa và bình đẳng vào các chương trình giáo dục. Bộ Giáo dục (ED) và Bộ Tư pháp (DOJ) đã ban hành hướng dẫn chung để nhắc nhở các cơ quan giáo dục tiểu bang (SEA), các học khu công lập và các trường công lập về nghĩa vụ pháp lý của họ nhằm đảm bảo học sinh học tiếng Anh có thể tham gia một cách có ý nghĩa và bình đẳng vào các chương trình giáo dục) <https://www2.ed.gov/about/offices/list/ocr/docs/dcl-factsheet-el-students-201501.pdf>

⁴ Mặc dù tài liệu này tập trung vào những học sinh đang học tiếng Anh ngoài ngôn ngữ được nói bên ngoài Hoa Kỳ, nhưng cũng có những học sinh nói ngôn ngữ Bản địa ở nhà, ở trường hoặc cả hai, những ngôn ngữ này chỉ có thể tìm thấy ở Hoa Kỳ hoặc trên vùng đất thuộc Bộ lạc trong phạm vi biên giới quốc gia Hoa Kỳ. Mặc dù những nguyên tắc này không đề cập đến vấn đề này nhưng các chính sách liên bang nhằm bảo vệ, bảo tồn và quảng bá ngôn ngữ bản địa là vô cùng quan trọng. Vấn đề này được nêu ra ở đây nhằm ghi nhận nhiều trẻ em được hưởng lợi từ nhiều ngôn ngữ và cách thức mà các quyền công dân của trẻ bị vi phạm cũng như sức khỏe của các em bị tổn hại do không cho các em hưởng lợi từ các ngôn ngữ mà gia đình và/hoặc cộng đồng của các em sử dụng. Để biết thêm thông tin về cách mà người Mỹ bản địa, người Alaska bản địa và người Hawaii bản địa đã trải qua sự phân biệt đối xử và bị gạt ra ngoài thông qua việc làm suy yếu chủ nghĩa đa ngôn ngữ của họ cũng như phong trào bảo vệ quyền ngôn ngữ và phục hồi các ngôn ngữ di sản bản địa, hãy xem, ví dụ: Nagle, Rebecca. “The U.S. has spent more money erasing Native languages than saving them.” *High Country News*. November 5, 2019. <https://www.hcn.org/issues/51.21-22/indigenous-affairs-the-u-s-has-spent-more-money-erasing-native-languages-than-saving-them> và Baldwin, Daryl Wade. “Analysis: How Indigenous languages can be preserved, and why those efforts help revitalize culture.” PBS. October 10, 2022. <https://www.pbs.org/newshour/nation/analysis-how-indigenous-lacular-can-be-preserved-and-why-those-efforts-help-revitalize-culture>.

⁵ Theo *Plyler v. Doe* mọi trẻ em đều được đảm bảo quyền tiếp cận nền giáo dục K-12 công lập miễn phí bất kể tình trạng nhập cư của các em, *Plyler v. Doe* 457 U.S. 202 (1982).

⁶ Lưu ý, vì mục đích của tài liệu này, thuật ngữ người học tiếng Anh được sử dụng theo định nghĩa của Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học đã được sửa đổi bởi Đạo luật Mỗi Học sinh Thành công. Nhiều cộng đồng gọi những học sinh như vậy là “người học song ngữ mới nổi” hoặc “người học song ngữ” để áp dụng cách tiếp cận dựa trên khả năng nhằm công nhận trình độ thông thạo ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh. Cần phải có định nghĩa về người học tiếng Anh để xác định khả năng đủ điều kiện nhận hỗ trợ, tiếp cận nguồn tài trợ và dữ liệu được phân tách. Trong tài liệu này, chúng tôi tập trung vào những trẻ có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Anh cho dù chúng tôi sử dụng thuật ngữ “người học tiếng Anh” hay “người học đa ngôn ngữ”. Thuật ngữ “có trình độ tiếng Anh hạn chế” cũng được sử dụng khi tham chiếu đến các luật và quy định về quyền công dân thực hiện các luật đó, mặc dù thuật ngữ này phần lớn được tránh sử dụng trong tài liệu này do hàm ý thiếu sót của nó.

⁷ Khi có thể, học sinh phải được cung cấp các hoạt động ngoại khóa bằng ngôn ngữ ở nhà của trẻ để người học tiếng Anh có thể tiếp cận các chương trình này một cách có ý nghĩa.

⁸ Trong lịch sử, nhiều trẻ em đã bị trừng phạt vì nói tiếng mẹ đẻ ở trường. Xem: Sánchez, Thayma. “Richmond Teacher Accused of Prohibiting Student From Speaking Spanish.” NBC Washington. May 9, 2023. [https://www.washingtonpost.com/archive/politics/2005/12/09/spanish-at-school-translates-to-suspension/8df9e017-f704-4a2b-af67-485d10316794/](https://www.nbcwashington.com/news/national-international/richmond-teacher-accused-of-prohibiting-a-student-from-speaking-spanish/3344766/#:~:text=A%20teacher%20at%20Thomas%20Boushall,speaking%20Spanish%20in%20her%20classroom; Reid, T.R. “Spanish At School Translates to Suspension.” Washington Post. December 9, 2005. <a href=)

⁹ Văn phòng Dân quyền thuộc Bộ Giáo dục Hoa kỳ (OCR) có trách nhiệm đặc biệt trong việc thực thi các quy chế chống phân biệt đối xử trong trường học. Các quy chế này, bao gồm Tiêu đề VI của Đạo luật Dân quyền năm 1964, Tiêu đề IX của Luật Giáo dục Bổ sung năm 1972, Mục 504 của Đạo luật Phục hồi năm 1973, Tiêu đề II của Đạo luật Người Mỹ Khuyết tật năm 1990, và Đạo luật Cấm Phân biệt Tuổi tác năm 1975, cấm phân biệt đối xử trong trường học dựa trên chủng tộc, màu da, quốc tịch gốc (bao gồm cả tình trạng ngôn ngữ), giới tính (bao gồm khuynh hướng tình dục, giới tính định danh và tình trạng mang thai hoặc tình trạng con cái), khuyết tật và tuổi tác.

¹⁰ U.S. Department of Justice, Civil Rights Division and U.S. Department of Education, Office for Civil Rights. Ensuring English Learner Students Can Participate Meaningfully and Equally in Educational Programs (2015): <https://www2.ed.gov/about/offices/list/ocr/docs/dcl-factsheet-el-students-201501.pdf>. Để biết thông tin về học sinh khuyết tật là Người học tiếng Anh, hãy xem: “OSEP Fast Facts: Students With Disabilities Who Are English Learners (ELs) Served Under IDEA Part B. U.S. Department of Education. April 8, 2022. <https://sites.ed.gov/idea/osep-fast-facts-students-with-disabilities-english-learners>.

¹¹ U.S. Department of Justice, Civil Rights Division and U.S. Department of Education, Office for Civil Rights. Information for Limited English Proficient (LEP) Parents and Guardians and for Schools and School Districts that Communicate with Them (2015): <https://www2.ed.gov/about/offices/list/ocr/docs/dcl-factsheet-lep-parents-201501.pdf>, U.S. Department of Education, Office for Civil Rights. Title VI: LEP Parental Communications: Cleveland Metropolitan School District (OH) OCR Complaint No. 15-08-1276 (2011): <https://www2.ed.gov/about/offices/list/ocr/docs/investigations/15081276.html>; Do đó, thông báo gửi phụ huynh về quyền của học sinh khuyết tật phải được cung cấp bằng ngôn ngữ mà phụ huynh có thể hiểu được cùng với các yêu cầu khác của IDEA áp dụng cho phụ huynh có ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh.

¹² UnidosUS, A Generation at Risk The Impact of Immigration Enforcement on UnidosUS-Affiliated Classrooms and Educators (2020): <https://unidosus.org/publications/2024-a-generation-at-risk-the-impact-of-immigration-enforcement-on-unidosus-affiliated-classrooms-and-educators/>; U.S. Department of Homeland Security, Guidelines for Enforcement In or Near Protected Areas (October 2021): <https://www.dhs.gov/guidelines-enforcement-actions-or-near-protected-areas#:~:text=The%20change%20in%20name%2C%20from,in%20need%20of%20special%20consideration>

¹³ Phụ huynh và gia đình phải được trao cơ hội bình đẳng để tham gia vào quá trình ra quyết định của trường học và học khu để đảm bảo các vấn đề và mối quan ngại của con cái và gia đình họ được xem xét.

¹⁴ Luật dân quyền liên bang bao gồm các yêu cầu cụ thể về sự tham gia của phụ huynh trong việc ra quyết định cho trẻ khuyết tật, cho dù các em có phải là người học tiếng Anh hay không. U.S.C. 20 1414, 34 C.F.R. § 104.35(c)(2).)

¹⁵ Người học tiếng Anh nên theo lộ trình hướng đến trình độ thông thạo tiếng Anh và nhận được sự giảng dạy có ý nghĩa, tập trung vào phát triển ngôn ngữ trong các môn học khác nhau.

¹⁶ Để biết thông tin về những cách mà Tiêu đề III đã không theo kịp với số lượng học sinh học tiếng Anh ngày càng tăng, hãy xem, ví dụ: Villegas, Leslie and Amaya Garcia. “A Federal Policy Agenda for English Learner Education.” New America. March 24, 2021. <https://www.newamerica.org/education-policy/reports/a-federal-policy-agenda-for-english-learner-education/>

¹⁷ Người đã từng học tiếng Anh (Ever EL) là một danh mục dữ liệu bao gồm cả người học tiếng Anh hiện tại và người đã học tiếng Anh trước đây. Nếu không có danh mục như Ever EL, sẽ khó hoặc không thể tính đến các kết quả dài hạn hơn như tốt nghiệp trung học và tuyển sinh đại học.

¹⁸ Để biết ví dụ về sự phân biệt đối xử đối với học sinh học Tiếng Anh trong việc cung cấp các cơ hội học tập, hãy xem: U.S. Department of Education, Office for Civil Rights. Title VI (Access to STEM): Cleveland Metropolitan School District (15-11-5003) (2014): <https://www2.ed.gov/about/offices/list/ocr/docs/investigations/15115003.html>

¹⁹ Do tình trạng mất cơ hội học tập của học sinh do đại dịch COVID-19 toàn cầu gây ra, trẻ em đã bỏ lỡ nhiều tháng được giảng dạy trực tiếp và một số trẻ không có cơ hội tiếp cận với việc học từ xa, bao gồm cả việc tiếp cận chương trình giảng dạy trực tuyến chất lượng cao dành cho người học tiếng Anh và chương trình giảng dạy kỹ thuật số được thiết kế đặc biệt cho người học tiếng Anh. Để khắc phục tác hại của cuộc khủng hoảng COVID-19 và khắc phục sự bất bình đẳng kéo dài đối với người học tiếng Anh, các trường học và học khu phải đảm bảo người học tiếng Anh có các nguồn lực họ cần và các biện pháp bảo vệ mà họ được hưởng.

²⁰ Sugarman, Julie. “A Matter of Design: English Learner Program Models in K-12 Education.” Washington, DC: Migration Policy Institute. June 2018. <https://www.migrationpolicy.org/sites/default/files/publications/EL-Program-Models-Final.pdf>